| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẢO THẮNG**<br>TỈNH LÀO CAI | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2023
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hoàng Thị Giang Thanh
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Cư A Cớ
Bà Nguyễn Thị Hằng Hải

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lý Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 25/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Bị đơn: Anh Dương Xuân T, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt lần thứ hai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 01/8/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Dương Xuân T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 02/02/2007 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, cờ bạc, rượu chè về nhà gây sự chửi bới đánh đập vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên tham gia góp ý và khi vợ chồng cãi nhau trưởng thôn có cai thiệp giải quyết nhưng không có kết quả. Đến nay chị không còn tình cảm gì với anh T nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung là cháu Dương Thị Thanh T sinh ngày 18/9/2007 và cháu Dương Thị Hải Y sinh ngày 06/3/2009. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung chị không đề nghị Toà án giải quyết, ngoài ra anh chị không có công nợ gì.

Đối với bị đơn anh Dương Xuân T, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh T không có ý kiến trả lời, không có mặt tại Toà án theo triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Toà án đã hỏi ý kiến cháu Dương Thị Thanh T và Dương Thị Hải Y, hai cháu đều trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Toà án đã thông báo hoà giải nhưng do anh T không có mặt nên không tiến hành hoà giải được. Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Bùi Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Dương Xuân T. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị T và anh T có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2007 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận được một thời gian thì có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do anh T chơi bời, cờ bạc, rượu chè về nhà gây sự chửi bới đánh đập vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Chị T đã cung cấp được xác nhận của chính quyền địa phương về việc mâu thuẫn của anh chị là đúng sự thật. Quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác, không trình bày ý kiến, không có mặt tham gia hoà giải, xét thấy tình trạng mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, anh chị đã không còn thương yêu tôn trọng nhau nên cuộc sống chung không thể hàn gắn được, chính quyền địa phương đã xác nhận về mâu thuẫn của anh chị là đúng sự thật. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T hiện có 02 con chung là cháu Dương Thanh T và Dương Thị Hải Y đều đang ở cùng anh chị và chị T có nguyện vọng nuôi cả hai cháu. Xét thấy chị T là lao động tự do, có thu nhập đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã hỏi ý kiến của hai cháu và hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Như vậy để đảm bảo cho cháu được chăm sóc và phát triển tốt nhất thì cần giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết các đương sự không ai đề nghị giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Dương Xuân T.

2/ Về con chung, xử giao cháu Dương Thanh T sinh ngày 18/9/2007 và cháu Dương Thị Hải Y sinh ngày 06/3/2009 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Dương Xuân T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0000881 ngày 07/8/2023, chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn  có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9

Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã Xuân Quang;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**
**(đã ký)**

**Hoàng Thị Giang Thanh**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Hoàng Thị Giang Thanh**